HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 106/2015/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 07 tháng 7 năm 2015*

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 69/2014/NQ-HĐND ngày 03/4/2014 của HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, chính sách phòng, chống và kiểm soát ma tuý trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004; Nghị quyết số 24/2012/QH13 của Quốc hội về việc thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; Khoản 6, Điều 10 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN; Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma tuý về quản lý sau cai nghiện ma tuý; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện; Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của liên bộ Tài chính, Lao động TBXH về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA ngày 10/02/2012 của liên bộ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 19/6/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết 69/2014/NQ-HĐND ngày 03/4/2014 của HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, chính sách phòng, chống và kiểm soát ma tuý trên địa bàn tỉnh Sơn La

đến năm 2015; Báo cáo thẩm tra số 538/BC-HĐND ngày 04/7/2015 của Ban Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Mục I; Mục II; Mục III Phần B, Điều 1 Nghị quyết số 69/2014/NQ-HĐND như sau:

1. Điểm 1.3, Điểm 1.6, Điểm 1.8, Khoản 1, Mục I sửa đổi như sau:

*''1.3. Sinh hoạt văn thể: **70.000** đồng/người/lần chấp hành quyết định.*

*1.6. Điện, nước, vệ sinh: **60.000** đồng/người/đợt điều trị*

*1.8. Tiền ăn: **560.000** đồng/người/tháng''*

2. Điểm 3.1, Điểm 3. 2, Khoản 3, Mục I sửa đổi như sau:

"*3.1. Tiền ăn: **110.000** đồng/người/tháng*

*3.2. Sinh hoạt văn thể: **20.000** đồng/người/năm''.*

3. Khoản 1; Điểm 1.1, Điểm 1.4, Điểm 1.5, Điểm 1.6, Điểm 1.7, Tiết a, Điểm 1.11, Khoản 1, Mục II sửa đổi như sau:

"*1. Hỗ trợ người nghiện ma tuý đã có Quyết định của Toà án nhân dân cấp huyện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.*

*1.1. Tiền điện, nước, vệ sinh: **80.000** đồng/người/tháng*

*1.4. Hỗ trợ tiền ăn mức **25.000** đồng/người/ngày*

*1.5. Tiền trang cấp vật dụng cá nhân: **400.000** đồng/người/lần chấp hành quyết định*

*1.6. Tiền hoạt động văn thể: **70.000** đồng/người/lần chấp hành quyết định*

*1.7. Tiền vệ sinh phụ nữ: **30.000** đồng/người/tháng*

1.11. Hỗ trợ mai táng phí đối với người nghiện ma tuý đang cai nghiện tử vong tại các Trung tâm Giáo dục Lao động trên địa bàn tỉnh, như sau:

*a) Đối với học viên tử vong không có thân nhân hoặc thân nhân không đến kịp, mức hỗ trợ chi phí mai táng tối đa **8.100.000** đồng/ca tử vong''*

4. Điểm 2.1, Điểm 2.4, Điểm 2.5, Tiết a, Điểm 2.10 Khoản 2, Mục II sửa đổi như sau:

"*2.1. Tiền ăn: **640.000** đồng/tháng*

*2.4. Điện, nước sinh hoạt: **80.000** đồng/người/tháng*

*2.5. Tiền vệ sinh phụ nữ: **30.000** đồng/người/tháng*

2.10. Hỗ trợ mai táng phí đối với người sau cai nghiện ma tuý đang tiếp tục giáo dục lao động tử vong tại các Trung tâm Giáo dục Lao động trên địa bàn tỉnh, như sau:

*a) Đối với học viên tử vong không có thân nhân hoặc thân nhân không đến kịp, mức hỗ trợ chi phí mai táng tối đa **8.100.000** đồng/ca tử vong''.*

5. Điểm 3.5, Khoản 3, Mục II sửa đổi như sau:

*"3.5. Tiền ăn: **190.000** đồng/người/tháng''*

6. Khoản 1, Mục III sửa đổi như sau

*"1. Người nghiện ma tuý tập trung cắt cơn nghiện bằng phương pháp điện châm tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, được hỗ trợ chi phí điều trị là 400.000 đồng/người/đợt điều trị, tiền ăn **40.000** đồng/người/ngày; trường hợp không đủ sức khoẻ để điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma tuý bằng thuốc hướng thần hoặc phương pháp điện châm thì được cấp kinh phí mua các loại thuốc khác để điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma tuý tại Bệnh viện Y học cổ truyền theo phác đồ được Bộ Y tế cho phép''.*

7. Khoản 3, Khoản 4 Mục III sửa đổi như sau:

3. Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng hoặc gia đình được hỗ trợ

*a) Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn**:** Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;*

*b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: **400.000** đồng/người/lần*

*c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: **40.000** đồng/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.*

*d) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): **30.000** đồng/người/ngày''*

8. Khoản 6, Mục III sửa đổi như sau:

*6. Người nghiện ma tuý sau khi điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện, tiếp tục thực hiện quy trình quản lý sau cai tại gia đình và cộng đồng, không tái nghiện được hỗ trợ tiền ăn **6.000** đồng/người/ngày và tiền thăm hỏi 20.000 đồng/người/quý trong thời gian tối đa 12 tháng''.*

9. Bổ sung Khoản 9, Mục III như sau:

"9. Đối với việc đưa người nghiện ma tuý vào điều trị cắt cơn nghiện ma tuý tại Trung tâm giáo dục lao động huyện, thành phố (hỗ trợ cắt cơn 10 ngày)

9.1. Hỗ trợ kinh phí đưa người nghiện ma tuý đi điều trị cắt cơn cai nghiện ma tuý (10 ngày) tại Trung tâm giáo dục lao động huyện, thành phố.

a) Chi cho người được giao nhiệm vụ đưa người nghiện ma tuý vào Trung tâm:

- Chi chế độ công tác phí: Nội dung và mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 349/2010/NQ-HĐND tỉnh.

- Chi chế độ làm đêm, thêm giờ: mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức.

b) Hỗ trợ cho người nghiện ma tuý trong những ngày đi trên đường:

- Tiền ăn: 40.000 đồng/ngày/người;

- Tiền ngủ (nếu có) theo mức quy định tại Nghị quyết số 349/2010/NQ-HĐND tỉnh.

c) Chi phí tiền tàu xe hoặc chi phí thuê mướn phương tiện vận chuyển. Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương hoặc chi phí thực tế (nếu đơn vị tự bố trí phương tiện vận chuyển) hoặc hợp đồng thuê xe (nếu thuê ngoài).

9.2. Hỗ trợ kinh phí đối với người nghiện ma tuý điều trị cắt cơn 10 ngày tại Trung tâm giáo dục lao động huyện, thành phố

a) Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 400.000đ/người/ lần chấp hành quyết định

c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000 đồng/người/ngày".

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2015; Bãi bỏ: gạch đầu dòng thứ 2, Điểm 1.12, Khoản 1, Mục II Phần B Điều 1 Nghị quyết số 69/2014/NQ-HĐND.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh, các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 07/7/2015./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban TV Quốc hội, Chính phủ;
- UBTC-NS, UBKT của Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh thiếu niên nhi đồng của Quốc hội;
- VP QH, VP CTN, VP CP; Vụ Công tác đại biểu VPQH;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; LĐTB và XH;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ, CV VP Tỉnh uỷ; VP UBND tỉnh;
- LĐ, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh; Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT. VHXH. 450b.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Văn Chất